

Số: /TTr-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành Quy định
“Mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và một (01) dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2031, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNN&PTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022

của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNN&PTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2031, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét, cho chủ trương xây dựng Nghị quyết ban hành Quy định “Mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và một (01) dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”, **theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật** như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Quy định về hướng dẫn mức hỗ trợ hướng dẫn mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cộng đồng tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (*Sau đây viết tắt là Nghị định 27/2022/NĐ-CP*)

- Tại khoản 5 điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy định về mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: “*a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.*”

- Tại khoản 5 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP về mức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: “*a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án theo hướng dẫn của cơ quan chủ quản chương trình.*”

- Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 27/2022/NĐ-CP: “*3. Cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia (được gọi là cơ quan chủ quản chương trình) là các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia*”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan hướng dẫn mức hỗ trợ cụ thể một

(01) dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cộng đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP.

2. Hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1809/BKHĐT-TCTT ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị về khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai thực hiện 03 CTMTQG

- Theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “*quyết định cụ thể đối với một chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định khung của Chính phủ*”; hoặc “*quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành*”.

- Theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh “*lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 của Luật*”.

- Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định “*nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định*”.

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy định về định mức hỗ trợ nội dung của các chương trình Mục tiêu quốc gia, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc tổ chức thực hiện, trong đó mức hỗ trợ cụ thể cho 01 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cơ quan phê duyệt dự án quyết định theo nguyên tắc phù hợp với định mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của địa phương.

3. Từ các nội dung trên, để có cơ sở áp dụng mức hỗ trợ cụ thể một (01) dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 và khoản 5 Điều 21 và Khoản 5 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, cần thiết phải ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định “*Mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và một (01) dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Thông nhất Quy định mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và một (01) dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; Tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền các cấp, tổ chức, cộng đồng dân cư triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và một (01) dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu

Quy định mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và một (01) dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Ngoài phần căn cứ, Nghị quyết dự kiến gồm 03 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức hỗ trợ cụ thể

Điều 3. Tổ chức thực hiện

V. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH

Ngân sách nhà nước thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn lồng ghép từ các Chương trình khác, vốn tín dụng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác thực hiện Nghị quyết theo quy định. Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN VÀ QUY TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

- **Thời gian trình thông qua:** Tại Kỳ họp chuyên đề tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum, khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- **Loại văn bản:** Văn bản Quy phạm pháp luật

- **Quy trình thông qua:** theo trình tự, thủ tục rút gọn

Hiện nay, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về phân bổ vốn để các địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhằm đảm

bảo cơ sở pháp lý để các ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 theo quy định. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép trình Nghị quyết **theo trình tự, thủ tục rút gọn** theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (biết);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (biết);
- Sở Tư pháp (biết);
- Sở Tài chính (biết);
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (biết);
- Lưu: VT, KTTH, KGVX, NNTN._{NLTA}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tháp